

Tản mạn trước đèn

Tuỳ bút của Đỗ Chu

Sau gần ba tháng ngồi trước đèn, sách vở ngập bàn, đêm Hà Nội nóng hầm hập như trong một cái lò nướng bánh, với chú mèo nhí thề bé bông lúc nhảy lên bàn quờ chân vò lấy tay tôi mỗi khi tôi động bút, lúc lại nhảy xuống chiếu lăn lộn giằng xé những tờ bản thảo đen kịt chữ vút rải rác đó đây, tôi kịp rút ra một kết luận nho nhỏ, càng viết càng thấy bơ vơ, càng thấy cô đơn và những đêm thức mới dài rộng yên ả làm sao. Đây là những đêm không có nhiều lắm trong một đời văn, đây là cái bơ vơ trong lúc đi tìm kiếm, cái cô đơn không hề lẻ loi của một kẻ yêu chúng bạn và gắn bó thiết tha với nghề, nó là sự cô đơn pha chút kiêu ngạo. Nhà văn rất nên có những khoảng trống bơ vơ đó, phải có nó để tự đẩy mình nhảy vào dòng xoáy của sự sáng tạo đầy bí mật, thật sự là hết sức nhọc nhằn. Một lần đi vào là một lần tuần nạn, một lần bước ra là một lần hồi sinh, nhà văn đón nhận cơn gió từ cõi nào thổi tới giống như người thợ lò nhồi người lên mặt đất đón nhận lấy luồng gió tươi.

Cái công việc mà chúng ta đang theo đuổi vốn từ bản chất đã rất thân phận rồi, trong Văn chiêu hồn, Nguyễn Du đã dành riêng một đoạn cho các văn nghệ sĩ. Cũng có kẻ rắp câu chữ quý, Dẫn mình vào thành thị lân la, Mấy thu lia cửa lia nhà, Văn chương đã biết đâu là chí thân, Nơi hàng quán gặp tuần mưa nắng, Vợ con nào nuôi nắng kiêng khem, Vội vàng lật sấp chôn nghiêng, Anh em thiên hạ láng giềng người đứng.

Ở những câu thơ ấy của Nguyễn tôi tìm thấy nỗi buồn trong tình thương yêu con người của ông. Tôi nghe thấy hơi ẩm ướt trên vạt cỏ may ngoài đồng, vẻ sương kính của rừng cây sau mùa hái quả. Lấp ló đằng kia, sau những thân cành gầy guộc là một trái hồng treo lơ lửng đỏ lựng như máu, đỏ như một nhát chằm phá xuất thần của họa sĩ tài năng nào trong bức tranh ẩn tượng.

Một chuyến về thăm quê giữa xóm nghèo trên vùng núi Lục Ngạn tôi đã gặp trái hồng như thế. Sao các cháu không trẩy, tôi vừa ngắm nó vừa lơ đãng hỏi đám trẻ, mấy đứa cùng nhao nhao trả lời, quả hồng điên, quả hồng ma, chát lắm không ai ăn nổi.

Nhưng đúng là nó rất đẹp, rất thẳng thốt khơi gợi. Trong vẻ đẹp của nó chứa đựng nhiều bất thường, nhiều vô lý và có lý, như chính nghệ thuật vậy. Lâu lâu trái hồng ma ấy lại hiện về trong tâm tưởng tôi, có sức ám ảnh dai dẳng, có thể tôi còn phải cất công nhiều lần tìm về cái xóm hẻo lánh kia để gặp lại nó. Một câu thơ hay cũng có sức ám ảnh hết như vậy.

Tôi cũng biết có một chị nhiều lúc ngủ mà nước mắt vẫn tuôn lã chã trên gương mặt. Chị là một cô gái Hà Nội đẹp, đến giờ vẫn còn những nét đẹp, vào những năm đời sống nhiều khó khăn, sống bằng tem phiếu là chính chứ không hẳn đã sống bằng tiền, tôi thấy chị vẫn có ý cố gắng để sự ăn mặc của mình không nhuốm vẻ tiều tụy. Chị muốn cho xung quanh nhận ra vẻ đẹp thách thức đó ở mình, chị muốn mình phải yêu được mình cái đã. Một chiều đông, tôi gặp chị từ nhà mình ngoài khu tập thể bãi Phúc Xá đi vào trong phố, chợt nhận ra chị đang khoác một chiếc áo nhung đen may quá khéo, đường khâu đường lượn quá khôn ngoan, tấm thân mảnh mai của chị sau tấm áo ấy hiện lên làm tôi xao xuyến. Tôi nói khẽ, hôm nay chị đẹp quá. Chị cười sung sướng, chú biết không, nhà có cái vỏ chăn nhung cũ tôi quyết định mang giặt rồi phá ra khâu lấy cho mình một cái áo rét, mùa đông thành phố mình thật tuyệt, đàn bà con gái chúng tôi không được phép để Hà Nội lam lũ thêm chút ả.

Chín năm cùng gia đình đi kháng chiến, nay Hà Giang mai Tuyên Quang, đến lúc hòa bình trở về thì ngôi nhà lớn ở phố Tràng Tiền được sung công, do Nhà nước quản lý. Chị vinh dự được tuyển vào đứng sau quầy sách tiếng Pháp trong cửa hàng quốc doanh sách ngoại văn. Thật trớ trêu chỗ

làm việc ấy lại chính là ngôi nhà mà chị đã gửi những năm tuổi thơ mình ở đó. Chị em trong tổ công tác ngày ngày cùng chị ra vào nơi ấy, thấy ngôi nhà càng gần lâu càng thích mới chép miệng bảo, may theo được cách mạng chúng ta lấy làm lạ.

Nếu chỉ thế thì làm sao đã phải khóc, nhiều người đang còn gặp những oái ăm gấp trăm lần mình. Cũng là muốn để có Chủ nghĩa xã hội, mỗi người cần phải biết tự giác hy sinh, phải biết dẹp bỏ cái chủ nghĩa cá nhân nó luôn ẩn náu trong lòng mỗi người như một kẻ thù nguy hiểm.

Chị chỉ khóc khi anh ngã xuống ở mặt trận Quảng Trị mùa hạ năm 1972. Đêm nào chị cũng khóc mà lại khóc trong mơ. Khóc là thực mà mơ là giả. Gian nhà trong khu tập thể buồn vắng từ ngày ấy, ngoài kia là sông Hồng gió thổi qua những bờ mía xào xạc, những con đom đóm bay trên mặt sông suốt đêm, đàn vờ với những đôi cánh mỏng manh nổi lên trên sông vào lúc sớm ra.

Anh là một cán bộ trung cấp của quân đội, hai người thương nhau từ mùa đông Hà Nội sáu mươi ngày khói lửa. Anh mang mũ ca lô, áo trấn thủ, súng trường có khắc hai chữ Quyết tử ở báng gỗ. Đạo đó chị được bổ sung làm nữ cứu thương tự vệ Thành, tới phường Cửa Đông nhận nhiệm vụ thì gặp anh. Lúc đó anh đang cùng các đồng chí của mình đào một tuyến hào thông từ dãy nhà này qua dãy nhà khác. Anh bảo độc lập trở về, Thủ đô sẽ được xây lại hết, sẽ phải đập phá bằng hết, tiếc gì mấy dãy phố ọp ẹp này.

Một đêm cuối năm, sắp Giao thừa thì chị được lệnh mang túi thuốc đi theo mấy chiếc cáng thương binh ra bãi giữa sông Hồng, rồi lại theo mấy chiếc cáng đó lên đênh trên những chiếc thuyền thúng tìm vào làng Thổ Khối. Sáng hôm sau, chị nhận ra là có cả anh đang nằm bất tỉnh trong số đó, anh bị gãy đùi vì một mảnh đạn cối, chị kéo chăn che mặt cho anh khỏi nắng gió. Khi anh tỉnh lại hỏi đây là đâu thì đã là đất Phở Yên, cửa ngõ của Việt Bắc. Ngày anh lành lặn trở về đơn vị, chị đã ngồi khâu tặng anh một cái túi dết bằng vải bạt, thêu vào đó một dòng kỷ niệm Nhớ Hà Nội làm tròn nhiệm vụ.

Chị biết anh là con thứ của một gia đình đông con, nhà đâu ở mạn Yên Phụ, cũng chưa bao giờ chị lặn lội lên vùng đó, chỉ càng thêm thương một chàng trai con nhà nghèo, thông minh mà chả được học đến nơi đến chốn. Những năm còn nhỏ anh đứng làm chân kéo phông màn trong rạp hát Hàng Bạc, lớn thêm một chút được chọn đóng những vai phụ trong các pho tuồng cổ tích Tàu. Chiêng trống vang lừng, quân reo dậy đất, cờ quạt phất tứ tung, Bờ quân bay, dạ dạ. Anh tròn mắt nghiêng rặng, chân đạp rầm rầm xuống sàn sân khấu, hát bằng giọng mé khiến lòng người nghe xót như bị sát muối: Thổ tận can tràng, Dây xích xiềng trói chặt chí bình sinh, Con gió bụi sống qua ngày khổ nhục.

Cái chết của Khương Linh Tá trong vở tuồng ấy đã vận vào anh. Đêm đêm chị vẫn gặp bóng anh hiện về, anh đứng ở cuối giường, cô không đâu, hai tay ôm khư khư cái đầu mình bọc trong tấm vải dù trắng đầm máu trước ngực, con mắt nhòm ra chớp chớp.

Ở đời có lắm cách chết, nghĩ mà thương. Đạo Nhật đảo chính Pháp, chị đã tận mắt chứng kiến một sĩ quan Nhật và một sĩ quan Pháp đổ thân vào nhau mà chết. Người Pháp rút súng lục, người Nhật rút gươm, súng nổ thì gươm cũng kịp bổ xuống. Cả hai đều đang còn rất trẻ, họ nhảy vào nhau như hai con hổ đói, chẳng nói chẳng rằng. Cảnh tượng đó xảy ra ngay trước cửa nhà chị, trên đường Tràng Tiền vào một sớm phố xá vừa mới mở cửa hàng cửa hiệu. Người Pháp từ trong Restaurant Bô Đê Ga bước ra, người Nhật vô tình ở đâu ngang qua đó, thế là không kịp tránh nhau, lại không ai chịu lép để nhường đường cho ai, giá họ chịu lớn nhau lấy nửa bước chân thì đã chả có chuyện gì. Trong đời chị mới chỉ thấy người Nhật là ghê gớm. Ngày họ làm lễ giao nộp vũ khí cho quân đội đồng minh, chị đã rủ mấy người bạn gái cùng đến xem, bãi chợ Hôm đông chật người, có mặt rất nhiều võ quan Tàu Tướng. Lính Nhật đứng thành hàng thẳng tắp, bại trận gì mà anh nào nom cũng sát khí đằng đằng. Viên quan Nhật hét lên mấy tiếng rợn người, đám lính của ông ta liền thét theo,

rồi họ lần lượt bước lên quảng sùng làm thành mấy đồng to như những đồng củi. Đám Tàu Tường hoảng hồn, khi nghe tiếng thét thì cầm đầu bỏ chạy, thành thử các chị đứng xem lại là người chứng kiến cảnh quân Nhật đầu hàng.

Quốc khánh mừng 2 tháng 9 năm ấy chị cũng có mặt ở Quảng Trường Ba Đình để nghe Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập. Anh ấy, chồng chị sau này, đứng làm hàng rào tiêu binh dưới chân kỳ đài. Chị đi diễu hành trong đoàn nữ sinh cứu quốc, lúc đó có cả chị Lê Xuân là con gái bác sĩ Chương cùng đi, nhà bác sĩ Chương ở chỗ ngã tư đường Quang Trung-Trần Hưng Đạo bây giờ. Oai hùng làm sao là dàn kèn đồng do ông Quân Liên chỉ huy, lúc tấu bản nhạc Tiến quân ca, nghìn người như một đều ngẩng đầu lên, giơ tay lên để Cụ Hồ trông thấy mình.

Anh kể cho chị nghe câu chuyện sau Tuần lễ vàng, Cụ Hồ và cụ Huỳnh đã tìm đến nhiệm sở tướng Tiêu Văn ở gần Cửa Nam. Hai cụ ngồi đợi rất lâu trong phòng khách mà hắc không chịu ra tiếp. Cụ Huỳnh bèn đứng bật dậy, chống mạnh cái ô xuống nền nhà làm vỡ cả viên gạch lát. Ta về thôi, nhục lắm cụ ạ. Cụ Hồ đứng lên thưa lại, Xin cụ hãy vì việc nước nhà mà nán thêm chút nữa. Cả hai lại ngồi, lát sau Tiêu Văn từ trên gác khệnh khạng xuống, chưa kịp ngồi thì Cụ Hồ đã đứng dậy chỉ tay vào mặt mà bảo: Các ông đòi Chính phủ Việt Nam phải cung cấp thêm gạo, chúng tôi đến nói là không có gạo, một cân cũng không có, vì dân chúng tôi đang đói. Nhưng chúng tôi cũng nói để các ông biết là chúng tôi có vàng, chúng tôi có thể cho vàng để các ông rút quân về. Đây là lần hai cụ đến để đuổi đám ô hợp ấy cút đi.

Nhiều lần chị đã nói với tôi là chị biết nhiều chuyện về những ngày gian nan của buổi đầu dựng nước, những năm tháng lắm nhiều nhưng hỗn loạn, lắm hiem nghèo nhưng cũng không ít tự hào. Nếu chú muốn viết một bộ tiểu thuyết trằng giang về cuộc Cách mạng Tháng Tám thì phải hỏi chị. Để chị kể cho mà nghe. Tôi trả lời chị rằng, để viết lại những chuyện ấy đối với tôi là không khó, cái khó nhất đối với tôi là chuyện phải viết làm sao cho xứng với những dòng nước mắt đêm đêm vẫn đang nhảy trên gương mặt chị.

*

Tôi thường tự hỏi, nên nói luân hồi hay phải nói là luân hồn mới phải. Một gã điên là tuyệt đối đi vào vô thức. Một giấc mơ là thuộc về miền siêu việt, nó là một cấu trúc lạ mang tính phi thường, một lực lượng mang dáng hình khác được gọi là thức giấc. Ở đây bộ máy thần kinh con người chẳng qua cũng chỉ là một thân xác hữu hình, là chỗ trú ngụ tạm thời của bản thể. Thật rất khó nói ra bằng lời, chính chỗ này là phần việc mà văn học nghệ thuật cần phải gánh lấy. Văn học nghệ thuật với những đặc thù thần diệu của mình, có đủ khả năng phá vỡ cái hàng rào được xem là bất khả tương nghị trong cuộc sống loài người.

Ở đây văn xuôi phải biết lùi lại nhường bước cho thơ ca, thơ ca lại phải biết lùi lại nhường bước cho hội họa và âm nhạc. Âm thanh và màu sắc những sóng giao thoa của nó, những nhịp điệu thần kỳ của nó là những đôi cánh để con người bay vào cõi tinh thần không phải chỉ là của con người mà còn là của cả đất trời vô thủy vô chung. Vượt lên trên mọi phạm thức, con người hoàn toàn có quyền tự giải phóng mình để bay vào cõi vô cùng kia. Cái chân nguyên của tạo hóa đang ngày càng có xu hướng thi thố tự thể hiện mình với vô vàn hình thái khác lạ. Con người là một hiện hữu sinh động của chân nguyên, của bản thể và văn hóa là tài sản đáng giá nhất của con người. Các nền văn hóa trên trái đất cũ kỹ này vừa mang tính khu biệt lại vừa có tính đồng nhất, suốt hành trình dài lâu của mình, con người đã góp nhặt được, đã cất giữ và gọt giũa được cái ta gọi là những giá trị văn hóa.

Trong các nền văn hóa ấy có chứa những tầng giá trị nhuốm màu tâm linh, có chứa những khái niệm mới mẻ về những miền không gian không thông thường. Trong bản thân mỗi người cũng đang tiềm ẩn những năng lực kỳ bí, việc tìm kiếm cho mình một phương pháp để tự giải phóng những

năng lực ấy được gọi là Ứng, công việc sáng tạo nói chung cũng được gọi là Ứng, là cứ mở ra mãi, đi tới mãi.

Trước mắt nó, Con người, là những ánh lửa bập bùng, nó bước về nơi có ánh sáng ấy trong tâm thế của những nhà hiền triết.

Phàm tục hay sang trọng, quý sứ hay thánh thần, thấp hèn hay cao cả, tất cả vẫn chỉ là một, được bày tỏ dưới nhiều hóa tướng khác nhau. Kinh thánh tự nó chẳng cần giáo hội, để sáng tạo chính là phải tìm lấy một hướng đi riêng, một dáng đi riêng, duy nhất.

Một nhân gian rất thật mà cũng rất ảo, thực thực mơ mơ. Một thế giới trong đó hết thảy đang phơi bày, hết thảy đang được lột trần, đó là những thách thức, những nguồn cảm hứng lớn đặt ra trước các nhà văn, trước tất cả những ai mang sứ mệnh sáng tạo./.